

Số: 09 /KH-TMN

Nam Hoa Lưu, ngày 12 tháng 01 năm 2026

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG KẾ HOẠCH

Thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ giáo dục và đào tạo về Ban hành điều lệ Ban đại diện học sinh;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025 - 2026 của ngành Giáo dục;

Căn cứ Văn bản số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026.

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08/01/2026 của Sở giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Kế hoạch số 212/KH-TMN ngày 30/09/2025 Thu - chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ học

kỳ 1 năm học 2025-2026 và đáp ứng nhu cầu của các bậc phụ huynh về đảm bảo chất lượng về việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường;

Trường mầm non Ninh Phong xây dựng dự kiến sửa đổi, bổ sung thu - chi các khoản đóng góp theo quy định; các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục học kỳ 2 năm học 2025-2026 với những nội dung sau:

A- Mục đích, yêu cầu

1. Xây dựng kế hoạch làm cơ sở triển khai thu – chi một số khoản đóng góp thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh nhằm thực hiện một số nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh nuôi dưỡng, giáo dục học sinh tại trường.

2. Kế hoạch phải đảm bảo sự thỏa thuận, thống nhất giữa nhà trường và cha mẹ học sinh về chủ trương, mức thu, nội dung chi.

3. Kế hoạch phải xác định rõ nội dung và dự toán mức thu - chi cụ thể cho từng nội dung, đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù đắp các chi phí; không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

B- Nội dung

I. Nội dung các khoản đóng góp (Có dự toán thu, chi kèm theo)

1. Tiền học phí: Trẻ mầm non được miễn học phí theo nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

* Nội dung chi:

- Trích 40% chi lương ngạch bậc
- Trích 60% chi hoạt động mua sắm phục vụ công tác chuyên môn, sửa chữa cơ sở vật chất.

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

Thực hiện Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026.

2.1. Dịch vụ phục vụ ăn bán trú(bao gồm tiền ăn, chất đốt)

* Mức thỏa thuận dự kiến: 25.000 đ/trẻ/ngày.(Trong đó tiền tiền ăn: 24.000đ/trẻ/ngày; tiền gas, mua nước rửa bát và các chi phí khác liên quan: 1.000đ/trẻ/ngày)

* Nội dung chi

- Chi mua thực phẩm, gia vị nấu ăn hàng ngày cho trẻ theo thực đơn, theo mùa, phù hợp giá cả thị trường. Đảm bảo đủ định lượng Kcal/ngày/trẻ; cân đối

chất; được tính khẩu phần trên phần mềm dinh dưỡng của Bộ giáo dục và đào tạo.

- Thực hiện tổ chức ăn 03 bữa/ ngày: 02 bữa chính và 01 bữa phụ (Uống sữa bột MEGA).

- Chi tiền mua ga phục vụ nuôi dưỡng, nấu ăn. Mua nước rửa bát, dầu lót nồi cháo và các chi phí khác liên quan đến phục vụ công tác ăn bán trú.

2.2. Dịch vụ quản lý học sinh bán trú

* Mức thỏa thuận dự kiến: 5.000 đ/trẻ/ngày.

* Nội dung chi:

- Chi trả tiền công trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên được phân công theo bảng chấm công hàng tháng.

2.3. Dịch vụ nấu ăn

* Mức thỏa thuận dự kiến: 120.000 đ/trẻ/tháng

* Nội dung chi:

- Chi trả tiền công và các khoản đóng góp (nếu có) cho nhân viên nấu ăn bán trú

2.4. Dịch vụ cung cấp thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú.

* Mức thỏa thuận dự kiến: 300.000 đ/trẻ/năm/ Cháu mới

100.000đ/năm/trẻ/Cháu cũ.

* Nội dung chi:

Tiền mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn

+ Chi mua bổ sung các đồ dùng, dụng cụ phục vụ công tác chế biến ăn cho trẻ như: Xoong nồi, chảo, bát, thìa, dao, thớt, rổ, rá, xô, chậu, máy xay, bếp ga, dụng cụ chia đồ ăn, khay chia ăn, môi, bát to, ...

Đồ dùng dùng cá nhân phục vụ trên lớp cho trẻ

Chi mua đồ dùng cá nhân riêng cho từng trẻ : Mua bổ sung cho các cháu cũ như: Mua gối, khăn mặt, ca, cốc, chăn, chiếu, gối, giá dép, giá phơi khăn, xốp ghép...

2.5. Dịch vụ làm mát bằng điều hòa, cung cấp nước nóng(nóng lạnh)

* Mức thỏa thuận dự kiến 15.000 đ/trẻ/tháng

* Nội dung chi:

- Trả tiền chi phí thực tế điện năng tiêu hao do sử dụng các thiết bị điện điều hoà, bình nóng lạnh cho học sinh.

2.6. Dịch vụ vệ sinh trường, lớp (vệ sinh phục vụ chăm sóc bán trú).

* Mức thỏa thuận dự kiến: 15.000đ/trẻ/tháng

* Nội dung chi:

+ Chi mua xà phòng giặt, nước rửa tay, nước sát khuẩn, nước tẩy rửa nhà vệ sinh, nước lau sàn, nước giặt chần gối, giấy vệ sinh, chổi quét nhà, chổi lau nhà, xô, chậu , bàn chải giặt, chổi cọ nhà vệ sinh ...

+ Chi sửa chữa, thay thế thiết bị vệ sinh, hệ thống điện nước khu vệ sinh

học sinh và các chi phí khác có liên quan.

+ Mua hóa chất đổ bể phốt, hóa chất thông cống, nước tinh dầu khử mùi hôi ...

2.7. Dịch vụ nước cho học sinh

* Mức thỏa thuận dự kiến 10.000 đ/trẻ/tháng

* Nội dung chi:

- Trả tiền nước uống(dịch vụ ăn uống) và nước sinh hoạt phục vụ tổ chức ăn bán trú của trẻ dựa trên hóa đơn thực tế.

3. Quỹ hội cha mẹ học sinh: Căn cứ Thông tư 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh

Nhà trường không thực hiện thu quỹ cha mẹ học sinh và tài trợ năm học 2025-2026.

C. Tổ chức thực hiện

Căn cứ điều kiện và nhu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ thực tế tại trường và công tác tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, Nhà trường xây dựng Kế hoạch rõ ràng, cụ thể các nội dung thu chi trong năm học 2025-2026 trên nguyên tắc thu bù đủ chi;

- Thống nhất chủ trương và kế hoạch triển khai trong Ban chi ủy, chi bộ, Ban giám hiệu, Hội đồng trường, cuộc họp toàn thể CB,GV,NV nhà trường;
- Triển khai họp Ban chấp hành Hội cha mẹ học sinh trường;
- Tổ chức hội nghị họp cha mẹ học sinh toàn trường để thỏa thuận thống nhất của các bậc phụ huynh về nội dung thu chi;
- Niêm yết công khai kế hoạch (Kèm theo dự toán thu chi các nội dung) tại bảng tin và trang Website của nhà trường ;
- Báo cáo lập Tờ trình thu chi các khoản học kỳ 2 năm học 2025-2026 với UBND phường Nam Hoa Lu; lập kế hoạch dự toán và tiến hành vận động thực hiện sau khi phê duyệt.
- Quản lý, hồ sơ sổ sách thu chi theo quy định tài chính; rõ ràng, công khai minh bạch.

Trên đây là sửa đổi, bổ sung kế hoạch thu chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 của trường Mầm non Ninh Phong.

Nơi nhận:

- UBND phường Nam Hoa Lu (để b/c)
- BCHHCMHS(để phối hợp);
- Lưu KT,VT.



Lã Thị Hồng Lam

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON NINH PHONG

**DỰ TOÁN THU-CHI CÁC KHOẢN THU
DỊCH VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo kế hoạch số: 09/KH- TMN ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Trường mầm non Ninh Phong)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	DỊCH VỤ TIỀN ĂN BÁN TRÚ (Dự tính 400 học sinh ăn/ ngày)	
*	Phần thu	1.000.000.000
	400 cháu x 25.000đ/ngày x 20 ngày *5 tháng (Bao gồm cả ga, nước rửa bát, dầu lót nồi cháo)	1.000.000.000
*	Phần chi	1.000.000.000
	Chi tiền ăn (24.000đ/ trẻ/ ngày x 20 ngày x 5 tháng):	960.000.000
	Chi 3 bữa ăn/ngày, 2 bữa chính, 1 bữa phụ:	
	- Bữa chính: 19.000đ (Com, bánh đa, thịt, rau.....)	760.000.000
	- Bữa phụ: (Sữa bột): 5.000đ	200.000.000
	Chi gas, nước rửa bát, dầu lót nồi cháo (1000đ/ trẻ/ ngày x 20 ngày x 5 tháng):	40.000.000
	- Tiền gas	31.000.000
	- Chi nước rửa bát, dầu lót cháo, chi phí khác có liên quan	9.000.000
2	DỊCH VỤ QUẢN LÝ HỌC SINH BÁN TRÚ (Dự tính 400 học sinh)	
*	Phần thu	40.000.000
	400 cháu x 5.000đ/trẻ/ngày x 20	40.000.000
*	Phần chi	40.000.000
	Chi trả tiền công trực trưa cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên được phân công theo bảng chấm công hàng tháng.	40.000.000
3	DỊCH VỤ NẤU ĂN BÁN TRÚ(Dự tính 400 học sinh)	
*	Phần thu	240.000.000
	400 cháu x 120.000đ/trẻ/tháng x 5 tháng	240.000.000
*	Phần chi	240.000.000
	Chi trả tiền công và các khoản đóng góp(nếu có) cho nhân viên nấu ăn: 8 người x 6.000.000đ/tháng x 5 tháng	240.000.000
3	DỊCH VỤ TRANG THIẾT BỊ, ĐỒ DÙNG PHỤC VỤ BÁN TRÚ (Dự tính 400 học sinh)	
*	Phần thu	72.000.000
	240 cháu cũ x 100.000đ/cháu/năm	24.000.000
	160 cháu mới x 300.000đ/trẻ/năm	48.000.000
*	Phần chi	72.000.000
	Chi mua đồ dùng phục vụ trên lớp	45.897.000
	Khăn mặt: 400 cháu x 1chiếc/năm x 16.000đ	6.400.000
	Khăn ăn: 130 chiếc/năm x 8.000đ	1.040.000
	Yếm ăn nhà trẻ : 35 chiếc/năm x 20.000đ	700.000
	Khăn lau tay: 14 lớp x 2 cái/lớp x 1chiếc/năm x 15.000đ	420.000



STT	Nội dung	Số tiền
	Gối trẻ: 400 chiếc x 28.000đ	11.200.000
	Cốc uống nước inox 85 cái x 15.000đ	1.275.000
	Đĩa đựng khăn(90 cái x 15.000)	600.000
	Khay chia ăn inox: 4 cái x 60.000đ	240.000
	Xốp ghép (45 bịch x 210.000đ)	9.450.000
	Bình ủ Inox có vòi 20L (2 cái x 1.000.000đ)	2.000.000
	Giá để bình ủ nước (2 cái x 200.000 đ)	400.000
	Chăn ấm: 8 chiếc x 600.000đ	4.800.000
	Chăn mỏng: 5 chiếc x 250.000đ	1.250.000
	Chiếu nhựa bé: 8 cái x 120.000 đ	960.000
	Chiếu nhựa to: 10 cái x 200.000 đ	2.000.000
	Thảm lau chân: 2 x 14 lớp x 50.000đ/ chiếc	1.400.000
	Giá để dép 4 tầng :1 cái x 250.000 đ	250.000
	Găng tay túi bóng : 1 hộp/tháng/ lớp x 12.000 đ	1.512.000
	Chi mua đồ dùng bán trú ở bếp ăn	26.103.000
	Thùng chia sữa inox 10L: 14 chiếc x 500.000đ	7.000.000
	Thùng chia canh, com inox 10L: 14 chiếc x 370.000đ	5.180.000
	Máy say cua (1 cái x 1.500.000đ)	1.500.000
	Thìa inox: 100 chiếc x 6.000đ	600.000
	Môi canh inox bé: 21 chiếc x 25.000đ	525.000
	Môi canh inox nhỏ: 7 chiếc x 50.000đ	350.000
	Xẻng inox: 2 chiếc x 70.000đ	140.000
	Gáo inox: 2 chiếc x 70.000đ	140.000
	Chậu inox nhỏ: 2 chiếc x 135.000đ	270.000
	Môi com nhựa: 15 chiếc x 25.000đ	375.000
	Bát tô inox: 20 cái x 45.000đ	900.000
	Bát con inox: 50 cái x 15.000đ	750.000
	Rổ nhựa to: 3 chiếc x 40.000 đồng	120.000
	Chậu nhựa nhỏ: 5 chiếc x 35.000đ	175.000
	Xô nhựa: 3 chiếc x 60.000đ	180.000
	Ghế nhựa: 7 chiếc x 30.000đ	120.000
	Giá Inox 2 cái x 270.000 đ	540.000
	Giá đựng dao, thớt: 1 cái x 300.000 đ	300.000
	Rổ nhựa to 6 chiếc/năm x 55.000đ/chiếc	330.000
	Thớt nhựa 1 cái x 120.000 đ	120.000
	Thớt gỗ 1 cái x 500.000 đ	500.000

STT	Nội dung	Số tiền
	Lọc mè 2 lớp(2 cái x 30.000đ)	60.000
	Đũa xào (6 đôi x 15.000đ)	90.000
	Bổi lưới rửa bát (10 x 5.000đ)	50.000
	Bổi sắt (11 x 12.000đ)	132.000
	Dao nạo bé (4 x 21.000đ)	84.000
	Dao thái 2 cái x 180.000 đ/chiếc	360.000
	Dao thái đồ chín 2cái x 150.000 đ/chiếc	300.000
	Kéo 2 cái x 30.000 đ/chiếc	60.000
	Bộ lọ lưu mẫu thức ăn: 8 lọ x 30.000đ	240.000
	Hộp đựng lọ lưu mẫu: 2 hộp x 75.000đ	150.000
	Khăn lau tay: 6 cái/2bếp x 1chiếc/năm x 15.000đ	90.000
	Găng tay túi bóng:1 hộp/tháng/2 nhà bếp x 12.000 đ	432.000
	Ủng cho nhân viên bếp mỗi người 1 đôi/năm (8 x 80.000đ)	640.000
	Thảm lau chân: 2bếp x 3 chiếc x 50.000đ/ chiếc	300.000
	Bảo hộ lao động nhà bếp 8 áo x 295.000 đ	2.360.000
	Tạp dề 8 cái x 80.000 đ	640.000
4	DỊCH VỤ TIỀN VỆ SINH TRƯỜNG, LỚP(VỆ SINH PHỤC VỤ CHĂM SÓC BÁN TRƯỞNG) (Dự tính 400 học sinh)	
*	Phân thu	54.000.000
	400 cháu x 15.000đ/cháu/tháng x 9 tháng	54.000.000
*	Phân chi	54.000.000
	Giấy vệ sinh: 1 bịch/lớp/tháng x14 lớp + 2 bếp x 65.000đ	9.360.000
	Nước lau nhà (lớp + bếp): 5 can/năm x14 lớp+ 2 bếp x 127.000đ	10.160.000
	Xà phòng giặt omo 770g:3 gói/năm x14 lớp + 2bếp x 50.000đ/gói	2.400.000
	Nước rửa tay 180g: 14 lớp + 2 bếp x 30 chai/tháng x 9 tháng x 35.000đ/chai	9.450.000
	Nước tẩy nhà vệ sinh 14 lớp + 2 bếp x 5 chai/năm x 35.000đ/chai	2.800.000
	Chổi đót (14 lớp + 2 bếp + 2 bảo vệ): 30 chiếc/năm x 55.000đ/chiếc	1.980.000
	Chổi rế (7 chiếc/ năm x 60.000 đ)	420.000
	Chổi quét trần nhà (7 cái x 150.000 đ)	1.050.000
	Chi mua chổi cước: 12 cái/năm x 40.000đ/chiếc	420.000
	Hót rác 5chiếc/ năm x 40.000 đ	200.000
	Thùng đựng rác các lớp : 3 chiếc x 135.000đ	405.000
	Bộ lau nhà 360: 3 bộ/năm x 350.000 đ/bộ	1.050.000
	Cây lau nhà: 14 cây/năm x 170.000 đ/cây	2.380.000
	Túi bóng đựng rác sinh học 5kg: 1kg/tháng x14 lớp, 2kg/tháng x bếp 2 khu (16kg/tháng x 9 tháng x 55.000 đ)	7.920.000
	Xô 5 cái (04 cái/ năm x 60.000 đ)	300.000

STT	Nội dung	Số tiền
	Chậu 5 cái (04/năm x 70.000 đ)	280.000
	Cọ nhà vệ sinh(5 cái/năm x 35.000đ)	175.000
	Gang tay vệ sinh(6 đôi/năm x14 lớp + 30 đôi/ năm 2 bếp x 25.000đ)	2.850.000
	Bàn chải (5 cái/năm x 20.000 đ)	100.000
	Nước lau kính(8 lớp + 2 bếp 01 chai/năm x 30.000đ)	300.000
5	DỊCH VỤ NƯỚC CHO HỌC SINH (Dự tính 400 học sinh)	
*	Phần thu	20.000.000
	400 cháu x 10.000đ/trẻ/tháng x 5 tháng	20.000.000
*	Phần chi	20.000.000
	Chi tiền nước sinh hoạt : 4.000.000đ x 5 tháng	20.000.000
6	DỊCH VỤ LÀM MÁT BẰNG ĐIỀU HÒA, CUNG CẤP NƯỚC NÓNG (Dự tính 400học sinh)	
*	Phần thu	30.000.000
	400 cháu x 15.000đ/trẻ/tháng x 5 tháng	30.000.000
*	Phần chi	30.000.000
	Chi trả tiền điện sinh hoạt phục vụ bán trú: 6.000.000đ/tháng x 5 tháng	30.000.000